

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03508

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác-Lênin (200106-09)

CBGD Nguyễn Hồng Hải (665)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH	1	<i>HL</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BICH	1	<i>SyBich</i>	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH			✓	3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223162	CHU THỊ CHUNG			✓	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CƯỜNG			✓	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223164	HUỲNH NGUYỄN DUNG	1	<i>ngdh</i>	8	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223165	HUỲNH THỊ MỸ DUNG	1	<i>me</i>	7	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223166	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG	1	<i>luu</i>	7	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG			✓	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG	1	<i>Du</i>	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223169	VÕ NGỌC THÙY DUNG	1	<i>thuy</i>	5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223170	VÕ ĐÌNH ÁNH DƯƠNG	1	<i>th</i>	3	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM	1	<i>ha</i>	5	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223171	PHẠM NHƯỘC GẮM			✓	14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223172	ĐÌNH SỸ GIANG			✓	15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI			✓	16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223173	NGUYỄN THANH HẢI	1	<i>ha</i>	7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223174	NGUYỄN THỊ HẠNH	1	<i>hanh</i>	6	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223175	LÊ THỊ LỆ HẰNG	1	<i>ha</i>	6	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN			✓	20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223177	LÊ THỊ HOA			✓	21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223178	BÀO HÒA			✓	22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223179	NGUYỄN HỮU HOÀNG	1	<i>huu</i>	3	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	1	<i>th</i>	6	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223181	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ	1	<i>huu</i>	6	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10223182	PHẠM THỊ KIM HUỆ	1	<i>huu</i>	5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10223183	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1	<i>huu</i>	7	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG	1	<i>huu</i>	6	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10223184	TRẦN THỊ KIM LIÊN	1	<i>kim</i>	8	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10223185	ĐOÀN TRỌNG LÍNH	1	<i>at</i>	7	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10223186	HOÀNG THỊ KIM LUYẾN	1	<i>luu</i>	7	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10223211	VÕ THỊ MƠ	1	<i>mo</i>	5	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 43 Số tờ: 43 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 1 tháng 7 năm 11

Le Minh Quang

TS. Nguyễn Hồng Hải

Ng H Hieu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03508

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-09)

CBGD Nguyễn Hồng Hải (665)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10223187	MAI THỊ THANH	NGA		✓	1 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10223210	ĐẶNG THỊ NHƯ	NGỌC	1	5	2 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
35	10223188	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	1	5	3 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
36	10223189	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG		✓	4 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10223219	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	1	7	5 V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10
38	10223190	LƯU THỊ	QUYÊN	1	5	6 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
39	10223191	VŨ THỊ	QUYNH	1	5	7 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
40	10223192	TRINH KHÁNH	TÂN	1	1	8 V 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI	THANH	1	3	9 V 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10
42	10223194	HOÀNG VĂN	THÀNH		✓	10 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10223195	PHẠM THỊ	THẢO	1	6	11 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
44	10223196	NGUYỄN THỊ Ý	THƠ	1	8	12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10
45	10223197	TRẦN THỊ	THƠ		✓	13 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10223215	LÊ THỊ	THUẬN	1	7	14 V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10
47	10223199	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỦY	1	7	15 V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10
48	10223216	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	1	7	16 V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10
49	10223198	BÙI THỊ MỘNG	THỦY		✓	17 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	1	3	18 V 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10
51	10223201	PHÙNG THỊ CẨM	TIÊN	1	6	19 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
52	10223202	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	1	7	20 V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10
53	10223203	DƯƠNG BÁ	TUÂN	1	5	21 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
54	10223204	PHẠM THỊ THANH	TUYẾN	1	8	22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10
55	10223205	TRẦN TỔ	UYÊN	1	5	23 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
56	10223206	NGUYỄN LÝ HỒNG	VÂN	1	6	24 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
57	10223207	NGUYỄN THỊ	VÂN		✓	25 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10223208	ĐẶNG KIM	YẾN	1	7	26 V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10
59	10223209	HUỲNH TRẦN HỒNG	YẾN	1	6	27 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
						28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 43 Số tờ: 43 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 7 năm 11

Lê Minh Quang

TS. Nguyễn Hồng Hải

TS. Nguyễn Hồng Hải

Nguyễn Hồng Hải

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03511

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-09)

CBGD Dương Thị Tuyết Hà (547)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH	2	<i>HL</i>	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BICH	1	<i>SyBich</i>	6	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH	1	<i>atie</i>	7	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223162	CHU THỊ CHUNG		<i>✓</i>	✓	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CUÔNG		<i>✓</i>	✓	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223164	HUỖNH NGUYỄN DUNG	1	<i>naclh</i>	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223165	HUỖNH THỊ MỸ DUNG	1	<i>Duy</i>	7	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223166	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG	1	<i>Phu</i>	7	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG		<i>✓</i>	✓	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG	1	<i>Thu</i>	7	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223169	VÕ NGỌC THÙY DUNG	2	<i>Thuy</i>	7	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223170	VÕ ĐÌNH ÁNH DƯƠNG	1	<i>Ab</i>	8	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM	1	<i>W</i>	7	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223171	PHẠM NHƯỘC GẮM		<i>✓</i>	✓	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223172	ĐÌNH SỸ GIANG		<i>✓</i>	✓	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI		<i>✓</i>	✓	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223173	NGUYỄN THANH HẢI	1	<i>Flo</i>	6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223174	NGUYỄN THỊ HẠNH	1	<i>anh</i>	5	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223175	LÊ THỊ LÊ HẰNG	1	<i>Lh</i>	7	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN		<i>✓</i>	✓	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223177	LÊ THỊ HOA		<i>✓</i>	✓	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223178	BÀO HÒA		<i>✓</i>	✓	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223179	NGUYỄN HỮU HOÀNG	1	<i>Phu</i>	5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	2	<i>Thu</i>	9	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223181	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ	1	<i>Bich</i>	9	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10223182	PHẠM THỊ KIM HUỆ	1	<i>Kim</i>	9	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10223183	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1	<i>Huong</i>	9	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG	1	<i>Cam</i>	8	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10223184	TRẦN THỊ KIM LIỀN	1	<i>Kim</i>	8	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10223185	ĐOÀN TRỌNG LÍNH	1	<i>at</i>	8	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10223186	HOÀNG THỊ KIM LUYẾN	1	<i>Phu</i>	8	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10223211	VÕ THỊ MƠ	1	<i>Mo</i>	7	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 44 Số tờ: 52 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 07 năm 2011

Trần Huy Tâm

N. D. Tâm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03511

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-09)

CBGD Dương Thị Tuyết Hà (547)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10223187	MAI THỊ THANH	NGA	✓	✓	1 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
34	10223210	ĐẶNG THỊ NHƯ	NGỌC	1	8	2 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
35	10223188	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	1	8	3 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
36	10223189	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	✓	✓	4 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
37	10223219	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	1	7	5 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
38	10223190	LƯU THỊ	QUYÊN	1	6	6 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
39	10223191	VŨ THỊ	QUỲNH	2	9	7 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
40	10223192	TRỊNH KHÁNH	TÂN	1	7	8 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
41	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI	THANH	1	8	9 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
42	10223194	HOÀNG VĂN	THÀNH	✓	✓	10 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
43	10223195	PHẠM THỊ	THẢO	2	8	11 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
44	10223196	NGUYỄN THỊ Ý	THƠ	1	8	12 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
45	10223197	TRẦN THỊ	THƠ	✓	✓	13 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
46	10223215	LÊ THỊ	THUẬN	1	8	14 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
47	10223199	NGUYỄN THỊ BÍCH	THÙY	2	9	15 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
48	10223216	NGUYỄN THỊ THANH	THÙY	1	7	16 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
49	10223198	BÙI THỊ MỘNG	THÚY	✓	✓	17 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
50	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	1	5	18 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
51	10223201	PHÙNG THỊ CẨM	TIÊN	1	7	19 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
52	10223202	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	1	7	20 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
53	10223203	DƯƠNG BÁ	TUÂN	1	8	21 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
54	10223204	PHẠM THỊ THANH	TUYẾN	1	6	22 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
55	10223205	TRẦN TỔ	UYÊN	2	9	23 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
56	10223206	NGUYỄN LÝ HỒNG	VÂN	1	8	24 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
57	10223207	NGUYỄN THỊ	VÂN	✓	✓	25 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
58	10223208	ĐẶNG KIM	YẾN	2	7	26 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
59	10223209	HUỲNH TRẦN HỒNG	YẾN	1	7	27 (V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
28						(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
29						(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
30						(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
31						(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)
32						(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)

Số bài: 44 Số tờ: 52 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 04 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Chí Thanh Đức

Nguyễn Trần Huy Tâm

Nguyễn Thị Tuyết Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03510

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Xác suất thống kê (202121-20)

CBGD Hà Thị Thảo Trâm (617)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH	1	At	2	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BÍCH	1	Dương Bích	2	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH		V	3	3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223162	CHU THỊ CHUNG		V	4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CUÔNG		V	5	5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223164	HUỲNH NGUYỄN DUNG	1	nh	4	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223165	HUỲNH THỊ MỸ DUNG	1	Dy	7	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223166	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG	1	Phu	6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG		V	9	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG	1	Nh	2	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223169	VÕ NGỌC THUY DUNG	2	Võ Ngọc	7	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223170	VÕ ĐÌNH ÁNH DƯƠNG	1	Vb	5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM	1	Uo	4	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223171	PHẠM NHƯỘC GẤM		V	14	14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223172	ĐÌNH SỸ GIANG		V	15	15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI		V	16	16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223173	NGUYỄN THANH HẢI	1	Thanh	4	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223174	NGUYỄN THỊ HẠNH	1	Nh	7	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223175	LÊ THỊ LỆ HẰNG	1	Lh	6	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN		V	20	20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223177	LÊ THỊ HOA		V	21	21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223178	BÀO HÒA		V	22	22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223179	NGUYỄN HỮU HOÀNG	1	Phu	5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	1	Nh	6	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223181	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ	1	Nh	6	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10223182	PHẠM THỊ KIM HUỆ	1	Phu	6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10223183	NGUYỄN THỊ HUƠNG	1	Hu	6	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG	1	Ca	3	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10223184	TRẦN THỊ KIM LIÊN	1	Kim	6	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10223185	ĐOÀN TRỌNG LÍNH	1	Đt	6	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10223186	HOÀNG THỊ KIM LUYẾN	1	Ho	5	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10223211	VÕ THỊ MƠ	1	Mb	5	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 43 Số tờ: 45 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 07 năm 2011

Lưu Thị Thanh Đức

Sr Hà Thị Thảo Trâm

Trần Huy Tâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Xác suất thống kê (202121-20)

CBGD Hà Thị Thảo Trâm (617)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10223187	MAI THỊ THANH	NGA		✓	1 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10223210	ĐẶNG THỊ NHƯ	NGỌC	1	9	2 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10
35	10223188	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	1	9	3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10
36	10223189	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG		✓	4 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10223219	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	1	2	5 V 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10
38	10223190	LƯU THỊ	QUYÊN	1	2	6 V 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10
39	10223191	VŨ THỊ	QUỲNH	1	2	7 V 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10
40	10223192	TRỊNH KHÁNH	TÂN	1	3	8 V 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10
41	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI	THANH	1	4	9 V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
42	10223194	HOÀNG VĂN	THÀNH		✓	10 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10223195	PHẠM THỊ	THẢO	1	6	11 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
44	10223196	NGUYỄN THỊ Ý	THƠ	2	10	12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ● 10
45	10223197	TRẦN THỊ	THƠ		✓	13 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10223215	LÊ THỊ	THUẬN	1	9	14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10
47	10223199	NGUYỄN THỊ BÍCH	THÚY	1	4	15 V 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10
48	10223216	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	1	7	16 V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10
49	10223198	BÙI THỊ MỘNG	THÚY		✓	17 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN	1	3	18 V 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10
51	10223201	PHÙNG THỊ CẨM	TIÊN	1	6	19 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
52	10223202	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	1	6	20 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
53	10223203	DƯƠNG BÁ	TUÂN	1	6	21 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
54	10223204	PHẠM THỊ THANH	TUYẾN	1	8	22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10
55	10223205	TRẦN TỔ	UYÊN	1	8	23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10
56	10223206	NGUYỄN LÝ HỒNG	VÂN	1	6	24 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
57	10223207	NGUYỄN THỊ	VÂN		✓	25 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10223208	ĐẶNG KIM	YẾN	1	2	26 V 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10
59	10223209	HUỲNH TRẦN HỒNG	YẾN	1	7	27 V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10
						28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 43 Số tờ: 45 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Thanh Bình

Hà Thị Thảo Trâm

Nguyễn Huy Tâm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)
Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-04)
CBGD Hồ Ngọc Kỳ (808)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH	2	<i>Ati</i>	3	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BÍCH	1	<i>Sybnh</i>	2	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223161	NGUYỄN THỊ KIỀU CHINH	2	<i>atie</i>	7	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223162	CHU THỊ CHUNG			✓	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CUÔNG			✓	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223164	HUỖNH NGUYỄN DUNG	1	<i>Melh</i>	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223165	HUỖNH THỊ MỸ DUNG	1	<i>Duy</i>	3	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223166	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG	1	<i>Phu</i>	2	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG			✓	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG	1	<i>Phu</i>	4	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223169	VÕ NGỌC THÙY DUNG	2	<i>Phu</i>	6	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223170	VÕ ĐÌNH ÁNH DƯƠNG	2	<i>Phu</i>	8	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM	1	<i>Phu</i>	5	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223171	PHẠM NHƯỘC GẤM			✓	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223172	ĐÌNH SỸ GIANG			✓	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI			✓	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223173	NGUYỄN THANH HẢI	2	<i>Phu</i>	7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223174	NGUYỄN THỊ HẠNH	2	<i>Phu</i>	8	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223175	LÊ THỊ LỆ HẰNG	2	<i>Phu</i>	6	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN			✓	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223177	LÊ THỊ HOA			✓	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223178	BÀO HÒA			✓	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223179	NGUYỄN HỮU HOÀNG	1	<i>Phu</i>	5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	2	<i>Phu</i>	2	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223181	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ	2	<i>Phu</i>	5	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10223182	PHẠM THỊ KIM HUỆ	1	<i>Phu</i>	5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10223183	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1	<i>Phu</i>	5	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG	1	<i>Phu</i>	2	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10223184	TRẦN THỊ KIM LIỀN	2	<i>Phu</i>	8	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10223185	ĐOÀN TRỌNG LÍNH	2	<i>Phu</i>	6	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10223186	HOÀNG THỊ KIM LUYẾN	1	<i>Phu</i>	3	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10223211	VÕ THỊ MƠ	2	<i>Phu</i>	5	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 4/4 Số tờ: 70 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 23 tháng 7 năm 2011

Lê Minh Quang
Nguyễn Chí Thanh

Phu
Hồ Ngọc Kỳ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03509

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-04)

CBGD Hồ Ngọc Kỳ (808)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10223187	MAI THỊ THANH	NGA		✓	1 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
34	10223210	ĐẶNG THỊ NHƯ	1		5	2 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
35	10223188	NGUYỄN THỊ KIM	2		7	3 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
36	10223189	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG		✓	4 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
37	10223219	NGUYỄN THỊ	1		3	5 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
38	10223190	LƯU THỊ	1		4	6 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
39	10223191	VŨ THỊ	2		5	7 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
40	10223192	TRỊNH KHÁNH	1		2	8 ☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
41	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI	2		5	9 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
42	10223194	HOÀNG VĂN	THÀNH		✓	10 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
43	10223195	PHẠM THỊ	2		8	11 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
44	10223196	NGUYỄN THỊ Ý	2		8	12 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
45	10223197	TRẦN THỊ	THƠ		✓	13 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
46	10223215	LÊ THỊ	2		10	14 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10
47	10223199	NGUYỄN THỊ BÍCH	2		6	15 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
48	10223216	NGUYỄN THỊ THANH	2		6	16 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
49	10223198	BÙI THỊ MỘNG	THÚY		✓	17 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
50	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU	2		3	18 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
51	10223201	PHÙNG THỊ CẨM	2		8	19 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
52	10223202	LÊ THỊ HUYỀN	2		5	20 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
53	10223203	DƯƠNG BÁ	1		6	21 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
54	10223204	PHẠM THỊ THANH	2		5	22 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
55	10223205	TRẦN TỔ	2		10	23 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10
56	10223206	NGUYỄN LÝ HỒNG	1		5	24 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
57	10223207	NGUYỄN THỊ	VÂN		✓	25 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
58	10223208	ĐẶNG KIM	1		3	26 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
59	10223209	HUỲNH TRẦN HỒNG	2		8	27 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
						28 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						29 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						30 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						31 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
						32 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

Số bài: 4/4 Số tờ: 20 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 23 tháng 7 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03512

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Anh văn 1** (213601-29)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (T38)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tử	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10223212	ĐÀO LÊ TUẤN ANH		<i>At</i>	4	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10223218	DƯƠNG THỊ NGỌC BICH		<i>Nguyen</i>	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10223161	NGUYỄN THỊ KIEU CHINH			✓	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10223162	CHU THỊ CHUNG			✓	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10223163	HỒ NGUYỄN THẾ CƯỜNG			✓	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10223164	HUỲNH NGUYỄN DUNG		<i>Nguyen</i>	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10223165	HUỲNH THỊ MỸ DUNG		<i>Dung</i>	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10223166	NGÔ THỊ PHƯƠNG DUNG		<i>Phuoc</i>	5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10223167	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG			✓	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10223168	NGUYỄN THỊ XUÂN DUNG		<i>Nguyen</i>	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10223169	VÕ NGỌC THÙY DUNG		<i>Thuy</i>	5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10223170	VÕ ĐÌNH ÁNH DƯƠNG		<i>Do</i>	5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10223217	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM		<i>Ho</i>	4	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10223171	PHẠM NHƯỘC GẮM			✓	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10223172	ĐÌNH SỸ GIANG			✓	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10223213	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HẢI			✓	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10223173	NGUYỄN THANH HẢI		<i>Thanh</i>	5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10223174	NGUYỄN THỊ HẠNH		<i>Nguyen</i>	4	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10223175	LÊ THỊ LỆ HẠNG		<i>Le</i>	5	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10223176	ĐẶNG HIẾU HIỀN			✓	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10223177	LÊ THỊ HOA			✓	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10223178	BẢO HÒA			✓	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10223179	NGUYỄN HỮU HOÀNG		<i>Phuoc</i>	5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10223180	NGUYỄN THỊ THU HỒNG		<i>Thu</i>	4	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10223181	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ		<i>Bich</i>	5	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10223182	PHẠM THỊ KIM HUỆ		<i>Kim</i>	3	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	10223183	NGUYỄN THỊ HƯƠNG		<i>Huong</i>	7	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	10223214	TRẦN THỊ CẨM HƯƠNG		<i>Cam</i>	4	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	10223184	TRẦN THỊ KIM LIÊN		<i>Kim</i>	7	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	10223185	ĐOÀN TRỌNG LÍNH		<i>Do</i>	6	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	10223186	HOÀNG THỊ KIM LUYẾN		<i>Phuoc</i>	7	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	10223211	VÕ THỊ MƠ		<i>Mo</i>	6	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 43 Số tờ: 43 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 7 năm 2011

Trưởng Bộ môn Đào tạo

Huỳnh Thị Cẩm Loan

Cam

Huỳnh Thị Cẩm Loan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03512

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10KETD (Kế toán Thủ Đức)

Môn Học Anh văn 1** (213601-29)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (T38)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	10223187	MAI THỊ THANH	NGA		✓	1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	10223210	ĐẶNG THỊ NHƯ	NGỌC		7	2 V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10
35	10223188	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG		6	3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	10223189	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG		✓	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	10223219	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG		5	5 V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10
38	10223190	LƯU THỊ	QUYÊN		3	6 V 0 1 2 4 5 6 7 8 9 10
39	10223191	VŨ THỊ	QUỲNH		4	7 V 0 1 2 3 5 6 7 8 9 10
40	10223192	TRỊNH KHÁNH	TÂN		5	8 V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10
41	10223193	NGUYỄN LÊ ÁI	THANH		5	9 V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10
42	10223194	HOÀNG VĂN	THÀNH		✓	10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	10223195	PHẠM THỊ	THẢO		5	11 V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10
44	10223196	NGUYỄN THỊ Ý	THƠ		6	12 V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10
45	10223197	TRẦN THỊ	THƠ		✓	13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	10223215	LÊ THỊ	THUẬN		6	14 V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10
47	10223199	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỦY		6	15 V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10
48	10223216	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY		6	16 V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10
49	10223198	BÙI THỊ MỘNG	THỦY		✓	17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	10223200	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIÊN		5	18 V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10
51	10223201	PHÙNG THỊ CẨM	TIÊN		7	19 V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10
52	10223202	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG		3	20 V 0 1 2 4 5 6 7 8 9 10
53	10223203	DƯƠNG BÁ	TUÂN		7	21 V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10
54	10223204	PHẠM THỊ THANH	TUYẾN		6	22 V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10
55	10223205	TRẦN TỔ	UYÊN		6	23 V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10
56	10223206	NGUYỄN LÝ HỒNG	VÂN		7	24 V 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10
57	10223207	NGUYỄN THỊ	VÂN		✓	25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	10223208	ĐẶNG KIM	YẾN		6	26 V 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10
59	10223209	HUỲNH TRẦN HỒNG	YẾN		5	27 V 0 1 2 3 4 6 7 8 9 10
						28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 43 Số tờ: 43 Cán bộ coi thi 1&2 Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày 24 tháng 7 năm 2011

Trần Huy Cẩm

Huỳnh Thị Cẩm Loan